TÒA ÁN NHÂN DÂN **THỊ XÃ TRẢNG BÀNG** **TỈNH TÂY NINH**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 76/2022/DS-ST.
Ngày 13-9-2022.
V/v tranh chấp hợp đồng vay tài sản.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN THỊ XÃ TRẢNG BÀNG, TỈNH TÂY NINH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Minh Thư.

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Lê Đình Nhung;

Ông Nguyễn Xuân Tươi.

***- Thư ký phiên tòa*:** Bà Bùi Thị Hạnh - Thư ký Tòa án nhân dân thị xã Trảng Bàng, tỉnh Tây Ninh.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân thị xã Trảng Bàng, tỉnh Tây Ninh tham gia phiên tòa: Ông Nguyễn Văn Thướng - Kiểm sát viên.

Ngày 13 tháng 9 năm 2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân thị xã Trảng Bàng, tỉnh Tây Ninh, xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 373/2020/TLST-DS ngày 30 tháng 12 năm 2020 về "Tranh chấp hợp đồng vay tài sản"; theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 40/2022/QĐXXST-DS ngày 16 tháng 8 năm 2022; giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn*: chị Nguyễn Thị Kim T, sinh năm 1989; vắng mặt.

Địa chỉ: khu phố T, phường G, thị xã Trảng Bàng, tỉnh Tây Ninh.

Người đại diện hợp pháp của chị T: ông Huỳnh Văn A, sinh năm 1969; cư trú tại: khu phố HB, phường HN, thành phố Tây Ninh, tỉnh Tây Ninh – là người đại diện theo ủy quyền (theo văn bản ủy quyền ngày 20-01-2021); có mặt.

- *Bị đơn*: 1/ Chị Nguyễn Trần Kim L, sinh năm 1985; vắng mặt.

Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú: khu phố G, phường T, thị xã Trảng Bàng, tỉnh Tây Ninh; hiện cư trú tại: khu phố GT, phường G, thị xã Trảng Bàng, tỉnh Tây Ninh.

2/ Anh Trần Chí L, sinh năm 1983; vắng mặt.

Cư trú tại: khu phố GT, phường G, thị xã Trảng Bàng, tỉnh Tây Ninh.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện và quá trình tham gia tố tụng tại Tòa án, người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn - ông Huỳnh Văn A trình bày:

Giữa chị Nguyễn Thị Kim T và chị Nguyễn Trần Kim L là chị em họ hàng của nhau. Vào ngày 20-7-2020, chị L có vay của chị T số tiền 700.000.000 (bảy trăm triệu) đồng. Việc vay tiền có làm Hợp đồng vay (mượn) tiền đề ngày 20-7-2020, do chị T tự viết nhưng chị L có ký, ghi họ tên và lăn tay vào mục "Bên Vay (mượn)"; chồng chị L là anh L không ký tên vào Hợp đồng vay tiền này. Việc vay tiền thỏa thuận lãi suất là 1.2%/tháng nhưng chỉ thỏa thuận bằng lời nói, không ghi vào nội dung Hợp đồng. Mục đích chị L vay tiền của chị T để kinh doanh. Khi vay tiền thì chị T và chị L thỏa thuận thời hạn trả tiền là 01 tháng kể từ ngày viết giấy (ngày ký kết hợp đồng) và nội dung thỏa thuận này có thể hiện trong nội dung Hợp đồng vay (mượn) tiền đề ngày 20-7-2020. Tuy nhiên, đến hạn trả nợ là ngày 20-8-2020 thì chị L không trả nợ gốc cho chị T như đã thỏa thuận và từ ngày 20-7-2020 đến nay, chị L, anh L cũng không trả cho chị T số tiền lãi và tiền nợ gốc nào. Chị T đã nhiều lần yêu cầu chị L, anh L trả nợ gốc và lãi nhưng chị L, anh L cứ hứa hẹn, lẫn tránh và không có thiện chí trả nợ.

Nay chị T yêu cầu vợ chồng chị L, anh L trả cho chị T số tiền 700.000.000 (bảy trăm triệu) đồng và tiền lãi là 1%/tháng kể từ ngày 20-8-2020 đến khi Tòa án xét xử sơ thẩm vụ án. Tại phiên tòa, người đại diện theo ủy quyền ủy quyền của chị T thay đổi yêu cầu khởi kiện đối với phần lãi suất, cụ thể: yêu cầu vợ chồng chị L, anh L trả cho chị T tiền lãi theo quy định của pháp luật kể từ ngày 21-8-2020 đến khi Tòa án xét xử sơ thẩm vụ án.

Trong quá trình giải quyết vụ án, Toà án đã tống đạt hợp lệ thông báo thụ lý vụ án và triệu tập hợp lệ chị Nguyễn Trần Kim L và anh Trần Chí L đến Toà án lấy lời khai, tham gia phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hoà giải, tham gia phiên toà nhưng chị L, anh L đều vắng mặt và cũng không có văn bản trình bày ý kiến gửi cho Tòa án.

Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã Trảng Bàng, tỉnh Tây Ninh:

- Về tố tụng: Thẩm phán được phân công thụ lý giải quyết vụ án đã thực hiện đúng, đầy đủ quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự về thụ lý vụ án, thu thập chứng cứ; Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa đã thực hiện đúng, đầy đủ quy định của Bộ luật Tố tụng Dân sự về việc xét xử sơ thẩm vụ án; người tham gia tố tụng thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ tố tụng theo quy định của pháp luật, riêng bị đơn đã được triệu tập hợp lệ lần nhiều lần nhưng vắng mặt đã vi phạm quy định tại Điều 70, 72 của Bộ luật Tố tụng Dân sự.

- Về quan điểm giải quyết vụ án: căn cứ vào các điều 463, 466, 468, 469 của Bộ luật Dân sự năm 2015; Điều 27 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014; Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14, ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội. Đề nghị Hội đồng xét xử:

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Nguyễn Thị Kim T về tranh chấp hợp đồng vay tài sản đối với chị Nguyễn Trần Kim L và anh Trần Chí L.

Buộc chị Nguyễn Trần Kim L và anh Trần Chí L có nghĩa vụ trả cho chị Nguyễn Thị Kim T số tiền nợ gốc 700.000.000 (bảy trăn triệu) đồng và tiền lãi theo quy định của pháp luật.

Về án phí: chị L, anh L phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào các chứng cứ, tài liệu có trong hồ sơ vụ án được xem xét tại phiên toà và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên toà, ý kiến của đại diện Viện kiểm sát, xét thấy:

[1] Về tố tụng:

[1.1] Về quan hệ pháp luật tranh chấp và thẩm quyền giải quyết tranh chấp:

Tranh chấp giữa nguyên đơn là chị Nguyễn Thị Kim T đối với bị đơn là chị Nguyễn Trần Kim L và anh Trần Chí L xuất phát từ thỏa thuận vay tài sản, theo Hợp đồng vay (mượn) tiền đề ngày 20-7-2020 nên có căn cứ xác định đây là tranh chấp hợp đồng dân sự về vay tài sản. Bị đơn có nơi cư trú tại khu phố GT, phường G, thị xã Trảng Bàng, tỉnh Tây Ninh. Do đó, tranh chấp thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thị xã Trảng Bàng, theo quy định tại khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng Dân sự.

[1.2] Về sự có mặt của đương sự tại phiên tòa: nguyên đơn vắng mặt tại phiên tòa nhưng có người đại diện theo ủy quyền tham gia phiên tòa. Bị đơn đã được triệu tập hợp lệ lần thứ hai nhưng vắng mặt tại phiên tòa. Do đó, Hội đồng xét xử căn cứ vào Điều 228 của Bộ luật Tố tụng Dân sự năm 2015 tiến hành xét xử vụ án.

[2] Về nội dung:

[2.1] Chị Nguyễn Thị Kim T khởi kiện chị Nguyễn Trần Kim L và anh Trần Chí L, yêu cầu chị L, anh L cùng có nghĩa vụ trả cho chị T số tiền 700.000.000 (bảy trăm triệu) đồng theo Hợp đồng vay (mượn) tiền đề ngày 20-7-2020.

[2.2] Xét nội dung Hợp đồng vay (mượn) tiền:

Hợp đồng vay (mượn) tiền đề ngày 20-7-2020 thể hiện: Bên A: Bên vay (mượn) là Nguyễn Trần Kim L; Bên B: Bên cho vay (cho mượn) là Nguyễn Thị Kim T; "*Bên B đồng ý cho Bên A vay (mượn) tiền với nội dung sau: Số tiền cho vay bằng số: 700.000.000 VND (bằng chữ: bảy trăm triệu đồng)*"; mục đích mượn tiền: Kinh doanh; thời điểm thanh toán: 01 tháng kể từ ngày viết giấy; có chữ ký, dấu vân tay và viết tên Nguyễn Trần Kim L tại mục "BÊN VAY (MƯỢN)".

Trong quá trình giải quyết vụ án, nhằm củng cố và chứng minh yêu cầu khởi kiện của mình nên chị T đã yêu cầu Tòa án trưng cầu giám định chữ ký, chữ viết và dấu vân tay tên Nguyễn Trần Kim L dưới mục "Bên vay (mượn)" trong Hợp đồng vay (mượn) tiền" đề ngày 20-7-2020 có phải do chị L ký, viết ra và lăn tay không.

Tại Kết luận giám định số: 2124-1/KL-KTHS ngày 25-5-2022 của Phân viện Khoa học hình sự - Bộ Công an tại Thành phố Hồ Chí Minh đã kết luận: không đủ cơ sở để kết luận chữ ký, chữ viết họ tên "Nguyễn Trần Kim L" dưới mục "Bên vay (mượn)" trong Hợp đồng vay (mượn) tiền ngày 20-7-2020 so với chữ ký, chữ viết tên "Nguyễn Trần Kim L" trên tài liệu mẫu so sánh có phải do cùng một người ký, viết ra hay không.

Tại Kết luận giám định số: 2124/KL-KTHS ngày 02-6-2022 của Phân viện Khoa học hình sự - Bộ Công an tại Thành phố Hồ Chí Minh đã kết luận: dấu vân tay màu đỏ đứng tên Nguyễn Trần Kim L dưới mục "Bên vay (mượn)" trong Hợp đồng vay (mượn) tiền ngày 20-7-2020 với dấu vân tay ngón trỏ trái của bà Nguyễn Trần Kim L trên tài liệu so sánh là do vân tay cùng một người để lại.

Theo quy định tại Điều 91 của Bộ luật Tố tụng Dân sự thì đương sự có nghĩa vụ đưa ra chứng cứ để chứng minh mà không đưa ra được chứng cứ hoặc không đưa ra đủ chứng cứ thì Tòa án giải quyết vụ việc dân sự theo những chứng cứ đã thu thập được có trong hồ sơ vụ việc. Trong suốt quá trình giải quyết, Tòa án đã triệu tập hợp lệ nhiều lần nhưng chị L, anh L đều không đến Tòa án làm việc và cũng không có văn bản trình bày ý kiến gửi cho Tòa án. Do đó, căn cứ vào Hợp đồng vay (mượn) tiền đề ngày 20-7-2020 và Kết luận giám định số: 2124/KL-KTHS ngày 02-6-2022, Hội đồng xét xử nhận thấy Hợp đồng vay (mượn) tiền ngày 20-7-2020 giữa chị T và chị L là có thật, nội dung thoả thuận giữa các đương sự về việc vay tiền là không trái quy định của pháp luật và không trái đạo đức xã hội nên hợp đồng vay tài sản giữa chị T và chị L là hợp pháp nên có cơ sở để xác định chị L có vay của chị T số tiền 700.000.000 (bảy trăm triệu) đồng.

[2.3] Về trách nhiệm trả nợ:

Theo nội dung Hợp đồng vay (mượn) tiền ngày 20-7-2020 thể hiện chị L có vay của chị T số tiền 700.000.000 (bảy trăm triệu) đồng và thỏa thuận thời hạn trả

tiền là 01 tháng kể từ ngày viết giấy (ngày ký kết hợp đồng). Tuy nhiên, chị T xác định từ ngày 20-7-2020 đến nay thì chị T nhiều lần yêu cầu chị L trả tiền nhưng chị L lẫn tránh và không có thiện chí trả nợ. Vì vậy, chị L đã vi phạm nghĩa vụ trả nợ, do đó việc chị T khởi kiện yêu cầu chị L trả cho chị T số tiền số tiền 700.000.000 (bảy trăm triệu) đồng là có căn cứ chấp nhận.

Đối với yêu cầu của chị T về việc yêu cầu anh L có nghĩa vụ cùng chị L trả tiền cho chị T, xét thấy: mặc dù anh L không ký tên vào Hợp đồng vay (mượn) tiền ngày 20-7-2020 nhưng chị L và anh L là vợ chồng và hiện tại vẫn còn đang chung sống với nhau. Mặc dù anh L không ký tên vào hợp đồng vay tiền nhưng số nợ 700.000.000 đồng là số tiền lớn, mục đích vay là để trả nợ và lấy lại giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đã thế chấp và sau đó chị T nhiều lần đến nhà anh L để yêu cầu trả tiền nên có cơ sở để xác định anh L có biết việc chị L vay tiền của chị T. Mặc khác, theo quy định tại Điều 27 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014 thì vợ, chồng chịu trách nhiệm liên đới đối với giao dịch do một bên thực hiện nên anh L phải có nghĩa vụ cùng chị L trả tiền vay cho chị T. Do đó, có cơ sở chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị T, buộc chị L cùng anh L có trách nhiệm liên đới trả cho chị T số tiền 700.000.000 đồng.

[2.4] Về lãi suất:

Chị T trình bày việc vay tiền có thỏa thuận lãi suất là 1.2%/tháng. Tuy nhiên, nội dung Hợp đồng vay (mượn) tiền ngày 20-7-2020 không thể hiện việc thỏa thuận lãi suất và chị T cũng không cung cấp được tài liệu, chứng cứ chứng minh việc thỏa thuận lãi suất như chị T đã trình bày. Do đó, căn cứ theo Hợp đồng vay (mượn) tiền ngày 20-7-2020 thì có cơ sở để xác định hợp đồng vay tài sản giữa chị T và chị L là hợp đồng vay không có lãi.

Xét yêu cầu tính lãi suất của chị T: do đến hạn trả nợ nhưng chị L không trả tiền cho chị T nên việc chị T yêu cầu chị L trả tiền lãi là có cơ sở để chấp nhận. Tại phiên tòa, người đại diện theo ủy quyền của chị T thay đổi yêu cầu khởi kiện, yêu cầu chị L, anh L trả tiền lãi cho chị T theo quy định của pháp luật kể từ ngày 21-8-2020 đến ngày xét xử sơ thẩm vụ án. Xét thấy việc thay đổi yêu cầu khởi kiện không vượt quá yêu cầu khởi kiện ban đầu nên Hội đồng xét xử chấp nhận xem xét. Theo quy định tại khoản 4 Điều 466, khoản 2 Điều 468 của Bộ luật Dân sự, chị L, anh L có nghĩa vụ trả tiền lãi với mức lãi suất theo quy định là 10%/năm đối với số tiền chậm trả tương ứng với thời gian chậm trả của chị L. Cụ thể, số tiền lãi mà chị L, anh L phải trả cho chị T được tính như sau: từ ngày 21-8-2020 đến ngày xét xử sơ thẩm 13-9-2022 là 02 năm 23 ngày:

700.000.000 đồng x 10%/năm x 02 năm 23 ngày = 144.472.000 (một trăm bốn mươi bốn triệu bốn trăm bảy mươi hai nghìn) đồng.

[3] Từ những phân tích trên, Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Thơ, buộc chị L, anh L cùng có nghĩa vụ trả cho chị T tiền nợ gốc là 700.000.000 (bảy trăm triệu) đồng và tiền lãi là 144.472.000 (một trăm bốn mươi bốn triệu bốn trăm bảy mươi hai nghìn) đồng. Tổng cộng tiền gốc và tiền lãi phải trả là 844.472.000 (tám trăm bốn mươi bốn triệu bốn trăm bảy mươi hai nghìn) đồng.

[4] Như phân tích trên thì đề nghị của Viện kiểm sát về quan điểm giải quyết vụ án là có cơ sở chấp nhận.

[5] Về chi phí giám định: căn cứ Điều 160, Điều 161 của Bộ luật Tố tụng Dân sự:

Đối với yêu cầu của chị T về việc trưng cầu giám định chữ ký, chữ viết của chị Trần Thị Kim Loan trong Hợp đồng vay (mượn) tiền ngày 20-7-2020: kết luận giám định đã kết luận không đủ cơ sở để kết luận chữ ký, chữ viết của chị L nên chị T phải chịu chi phí giám định đối với yêu cầu này là 1.000.000 (một triệu) đồng. Ghi nhận chị T đã nộp xong.

Đối với yêu cầu của chị T về việc trưng cầu giám định dấu vân tay của chị Trần Thị Kim Loan trong Hợp đồng vay (mượn) tiền ngày 20-7-2020: kết luận giám định đã kết luận dấu vân tay là của chị L nên chị L phải chịu chi phí giám định đối với yêu cầu này là 3.500.000 (ba triệu năm trăm nghìn) đồng. Do chị T đã nộp tạm ứng chi phí giám định nên chị L, anh L có nghĩa vụ phải thanh toán lại cho chị T số tiền 3.500.000 (ba triệu năm trăm nghìn) đồng.

[6] Án phí: căn cứ Điều 147 của Bộ luật Tố tụng Dân sự; khoản 2 Điều 26 của Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Chị T không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm.

Chị L, anh L phải chịu án phí dân sự sơ thẩm trên số tiền phải trả cho chị T là 844.6472.000 đồng, cụ thể án phí được tính như sau: 36.000.000 đồng + (3% x 44.472.000 đồng) = 37.334.000 (ba mươi bảy triệu ba trăm ba mươi bốn nghìn) đồng.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào Điều 228, Điều 147, Điều 160, Điều 161 của Bộ luật Tố tụng Dân sự năm 2015;

Căn cứ vào các điều 463, 466, 468, 470 của Bộ luật Dân sự năm 2015; Điều 27 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014; khoản 2 Điều 26 của Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Nguyễn Thị Kim T về tranh chấp hợp đồng vay tài sản đối với chị Nguyễn Trần Kim L và anh Trần Chí L.

2. Buộc chị Nguyễn Trần Kim L và anh Trần Chí L có nghĩa vụ liên đới trả cho chị Nguyễn Thị Kim T số tiền nợ gốc và tiền lãi là 844.472.000 (tám trăm bốn mươi bốn triệu bốn trăm bảy mươi hai nghìn) đồng.

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015, trừ trường hợp pháp luật có quy định khác.

3. Về chi phí giám định:

Chị Nguyễn Thị Kim T phải chịu 1.000.000 (một triệu) đồng chi phí giám định. Ghi nhận chị T đã nộp xong.

Chị Nguyễn Trần Kim L và anh Trần Chí L phải chịu 3.500.000 (ba triệu năm trăm nghìn) đồng chi phí giám định. Chị L, anh L có nghĩa vụ trả lại cho chị T số tiền 3.500.000 (ba triệu năm trăm nghìn) đồng này.

4. Án phí:

Chị T không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm, hoàn trả cho chị T 16.756.000 (mười sáu triệu bảy trăm năm mươi sáu nghìn) đồng tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm đã nộp theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0015027 ngày 30 tháng 12 năm 2020 của Chi cục thi hành án dân sự thị xã Trảng Bàng, tỉnh Tây Ninh.

Chị L, anh L phải chịu 37.334.000 (ba mươi bảy triệu ba trăm ba mươi bốn nghìn) đồng án phí dân sự sơ thẩm.

5. Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án

hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

6. Chị T có quyền kháng cáo lên Toà án nhân dân tỉnh Tây Ninh trong hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án. Chị L, anh L có quyền kháng cáo lên Toà án nhân dân tỉnh Tây Ninh trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định của Bộ luật Tố tụng Dân sự.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Tây Ninh;
- VKSND thị xã Trảng Bàng;
- Chi cục THADS thị xã Trảng Bàng;
- Các đương sự;
- Lưu: Án văn, hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

(ĐÃ KÝ)

Nguyễn Thị Minh Thư

THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ **THẨM PHÁN – CHỦ TOẠ PHIÊN TOÀ**

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Tây Ninh;
- VKSND thị xã Trảng Bàng;
- Chi cục THADS thị xã Trảng Bàng;
- Các đương sự;
- Lưu: Án văn, hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nguyễn Thị Minh Thư